

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUỲNH PHỤ
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2021/DS-ST

Ngày 30 - 3 - 2021

V/v Tranh chấp về thừa kế

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Duyên.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Diệu

Bà Nguyễn Thị Phương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thảo Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Nguyễn Thị Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2021 tại trụ S Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 28/2020/TLST-DS ngày 02 tháng 11 năm 2020 về “*Tranh chấp về thừa kế*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2021/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trịnh Thị T, sinh năm 1950

Hộ khẩu: DT, THN, Hóc Môn, Tp. HCM

Địa chỉ: Thôn K, xã Đ, huyện P, tỉnh Thái Bình.

- Người đại diện theo ủy quyền của bà T:

Anh Nguyễn Văn S, sinh năm 1972, địa chỉ: Thôn K, xã Đ, huyện P, tỉnh Thái Bình theo văn bản ủy quyền ngày 28/10/2020

Bị đơn: Ông Trịnh Công Q, sinh năm 1950

Địa chỉ cư trú: Thôn A, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk

(*Tại phiên tòa có mặt anh S; vắng mặt ông Q – có đơn xin xét xử vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Trịnh Thị T và người được ủy quyền tham gia tố tụng anh Nguyễn Văn S trình bày:

Bồ đề bà Trịnh Thị T là cụ Trịnh Công T1 kết hôn với cụ Nguyễn Thị K có 02 con chung là bà Trịnh Thị T, sinh năm 1950 và bà Trịnh Thị T2, sinh năm 1953. Cụ T1 kết hôn với cụ Nguyễn Thị TH có 01 con chung là ông Trịnh Công Q, sinh năm 1950. Cụ T1 kết hôn với cụ Nguyễn Thị G có 01 con chung là ông Trịnh Công R, sinh năm 1960. Cụ T1, cụ K, cụ TH, cụ G và ông R đều đã chết (ông R chết ngày 17/5/2020, ông R không có đăng ký kết hôn, không có cha nuôi, mẹ nuôi, con nuôi, con đẻ).

Ngày 10/12/2018 bà Trịnh Thị T2 chết không để lại di chúc, bà T2 không có: chồng, con đẻ, con nuôi, cha nuôi, mẹ nuôi. Những người thừa kế ở hàng thừa kế thứ hai của bà T2 gồm có: bà Trịnh Thị T và ông Trịnh Công Q.

Bà T2 chết không để lại nghĩa vụ tài sản, để lại khối di sản là: Quyền sử dụng đất thửa số 186, tờ bản đồ số 16 diện tích 157,8m², địa chỉ: Thôn B, xã L, huyện P, tỉnh Thái Bình, có Giấy chứng nhận số: BY821329; CH 03968 mang tên bà Trịnh Thị T2 (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hiện bà T đang quản lý), có giá trị 157,8m² x 3.000.000 đồng/m² = 473.400.000 đồng; trên đất có 01 ngôi nhà 02 tầng, diện tích sử dụng là 100,4m², giá trị còn lại 269.000.000 đồng và 01 sân lát gạch men diện tích 17.8m², giá trị còn lại là 2.000.000 đồng. Ngoài ra, còn 01 kệ gỗ thờ, giá trị còn lại 200.000 đồng; 01 bộ bàn ghế gỗ, giá trị còn lại 500.000 đồng, 01 giường gỗ có kích thước 1,6m x 2,0m, giá trị còn lại 1.500.000 đồng. Tổng trị giá khối di sản là 746.600.000 đồng. Hiện nay ,toàn bộ khối di sản này do bà Trịnh Thị T đang quản lý. Kể từ khi được quản lý di sản thừa kế trên, bà không bỏ ra khoản chi phí gì để bảo quản di sản và đã nhiều lần yêu cầu ông Trịnh Công Q chia di sản, nhưng ông Q không đồng ý (không tạo điều kiện cho bà) nên bà yêu cầu chia di sản thừa kế trên theo quy định của pháp luật. Bà không yêu cầu thanh toán thù lao trong việc bảo quản di sản. Bà nhất trí với quan điểm của ông Q T2 nguyện cho bà phần di sản mà ông Q được chia. Do bà là người cao tuổi nên bà đề nghị xin được miễn nộp tiền tạm ứng án phí và án phí theo quy định của pháp luật.

Tại biên bản lấy lời khai của ông Trịnh Công Q do Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk lập lập ngày 08/01/2021, bản T2 khai và đơn xin xử án vắng mặt của ông Trịnh Công Q cùng ngày 25/01/2021 ông Q khai: Về diện thừa kế và khối di sản thừa kế của bà T2 như bà T trình bày ở trên. Ông xác nhận thời điểm bà T2 chết như bà T khai, khi chết bà T2 không để lại di chúc, bà T2 khi chết có để lại các nghĩa vụ tài sản hay các chi phí khác không thì ông ở xa nên không biết. Hiện nay các di sản do bà T quản lý. Ông đã được nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và biết việc bà T khởi kiện yêu cầu phân chia di sản thừa kế, ông có ý kiến: Kỳ phần của ông được hưởng ông nhường

cho bà T, do điều kiện ở xa không đến được phiên toà nên ông có đơn xin Toà án xét xử vắng mặt.

Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2020/DS-ST ngày 07/7/2020 của Tòa án nhân dân huyện P đã xác định về thời gian chết, hàng thừa kế của bà T2, cũng như tài sản bà T2 để lại như bà Trịnh Thị T2 và ông Trịnh Công Q đã trình bày. Đồng thời quyết định buộc chị Đinh Thị Nhân là người đang quản lý di sản của bà Trịnh Thị T2 phải trả lại khối di sản thừa kế của bà T2 cho bà Trịnh Thị T quản lý gồm: Quyền sử dụng đất thửa số 186, tờ bản đồ số 16 diện tích 157,8m². Địa chỉ: Thôn B, xã L, huyện P, tỉnh Thái Bình, có Giấy chứng nhận số: BY821329; CH 03968 mang tên bà Trịnh Thị T2; trên đất có 01 ngôi nhà 02 tầng, diện tích sử dụng là 100,4m². Ngoài ra, còn 01 kệ gỗ thờ; 01 bộ bàn ghế gỗ, 01 giường gỗ có kích thước 1,6m x 2,0m.

Nay bà Trịnh Thị T yêu cầu chia di sản thừa kế trên của bà Trịnh Thị T2 ông Trịnh Công Q đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật nhưng phần của ông được hưởng ông T2 nguyện để lại cho bà T. Đồng thời bà Trịnh Thị T cũng nhất trí với quan điểm của ông Q về việc để lại toàn phần của ông được hưởng cho bà T.

Phát biểu của Kiểm sát viên:

- *Về việc tuân theo pháp luật về tố tụng:* Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, những người tiến hành tố tụng và các đương sự gồm: Bà Trịnh Thị T và anh Nguyễn Văn S đều chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt nên Viện kiểm sát không phát biểu về việc chấp hành pháp luật của bị đơn tại phiên tòa.

- *Về việc giải quyết vụ án:* Đề nghị áp dụng: khoản 5 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 39 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều: 609, 610, 611, 612, 613, 623, 649, 650, 651 và 660 của Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Xác định hàng thừa kế thứ hai của bà Trịnh Thị T2 gồm có bà Trịnh Thị T và ông Trịnh Công Q. Cần xác định di sản thừa kế của bà Trịnh Thị T2, sinh năm 1953 (đã chết năm 2018) gồm: Quyền sử dụng đất thửa số 186, tờ bản đồ số 16 diện tích 157,8m². Địa chỉ: Thôn B, xã L, huyện P, tỉnh Thái Bình, có Giấy chứng nhận số: BY821329; CH 03968 mang tên bà Trịnh Thị T2, có giá trị 157,8m² x 3.000.000 đồng/m² = 473.400.000 đồng; trên đất có 01 ngôi nhà 02 tầng, diện tích sử dụng là 100,4 m², giá trị còn lại 269.000.000 đồng và 01 sân lát gạch men diện tích khoảng 17,8m², giá trị còn lại là 2.000.000 đồng. Ngoài ra, còn 01 kệ gỗ thờ, giá trị còn lại 200.000 đồng; 01 bộ bàn ghế gỗ, giá trị còn lại 500.000 đồng, 01 giường gỗ có kích thước 1,6m x 2,0m, giá trị còn lại

1.500.000 đồng. Có tổng trị giá là 746.600.000 đồng. Các tài sản này hiện bà T đang quản lý. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trịnh Thị T về việc chia di sản thừa kế trên của bà Trịnh Thị T2, chấp nhận ý kiến của ông Trịnh Công Q về việc T2 nguyện cho toàn bộ phần di sản của ông cho bà T. Xử giao cho bà Trịnh Thị T được sử dụng diện tích đất 157,8m² tại thửa số 186, tờ bản đồ số 16. Địa chỉ: Thôn B, xã L, huyện P, tỉnh Thái Bình, có Giấy chứng nhận số: BY821329; CH 03968 mang tên bà Trịnh Thị T2 (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hiện bà T đang quản lý); Được quyền S hữu, sử dụng các công trình xây dựng trên đất và các tài sản khác gồm: Nhà 02 tầng, diện tích sử dụng là 100,4 m² xây năm 2017, sân lát gạch men diện tích 17,8m², 01 kệ gỗ thờ, 01 bộ bàn ghế gỗ, 01 giường gỗ có kích thước 1,6m x 2,0m. Về án phí: Do bà T, ông Q là người cao tuổi vì vậy đề nghị miễn án phí dân sự cho bà T đối với phần bà T được hưởng và kỷ phần của bà T nhận từ ông Q. Chấp nhận sự T2 nguyện nhận chịu cả tiền thẩm định và định giá tài sản của bà T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Trịnh Thị T khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của bà Trịnh Thị T2 chết năm 2018. Đây là quan hệ pháp luật “*Tranh chấp về thừa kế*”. Do khối tài sản của bà T2 để lại có bất động sản tại thôn B, xã L, huyện P, tỉnh Thái Bình, bà T là nguyên đơn có đơn lựa chọn Tòa án P là nơi Tòa án giải quyết vụ án. Ông Trịnh Công Q có đơn xin xét xử vắng mặt vì vậy Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Bình thụ lý giải quyết là phù hợp với quy định tại khoản 5 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và điểm c khoản 1 Điều 39 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về thời hiệu khởi kiện*: Ngày 10/12/2018 bà Trịnh Thị T2 chết, ngày 19/10/2020 bà T có đơn khởi kiện chia di sản thừa kế của bà T2 là còn trong thời hiệu khởi kiện quy định tại Điều 623 Bộ luật Dân sự.

[3] *Về di sản thừa kế*: Các đương sự đều thống nhất bà T2 chết để lại khối di sản gồm: Quyền sử dụng đất thửa số 186, tờ bản đồ số 16 diện tích 157,8m². Địa chỉ: Thôn B, xã L, huyện P, tỉnh Thái Bình, có Giấy chứng nhận số: BY821329; CH 03968 mang tên bà Trịnh Thị T2 (hiện bà Trịnh Thị T đang quản lý), có giá trị 157,8m² x 3.000.000 đồng/m² = 473.400.000 đồng; trên đất có 01 ngôi nhà 02 tầng, diện tích sử dụng là 100,4 m², giá trị còn lại 269.000.000 đồng và 01 sân lát gạch men diện tích 17,8m², giá trị còn lại là 2.000.000 đồng. Ngoài ra, còn 01 kệ gỗ thờ, giá trị còn lại 200.000 đồng; 01 bộ bàn ghế gỗ, giá trị còn lại 500.000 đồng, 01 giường gỗ có kích thước 1,6m x

2,0m, giá trị còn lại 1.500.000 đồng. Tổng trị giá khối di sản là 746.600.000 đồng.

[4] *Về người thừa kế theo pháp luật của bà Trịnh Thị T2:*

Qua xác minh với ông Trịnh Công H, UBND các xã: V, Đ và L, cũng như lời khai của bà Trịnh Thị T và ông Trịnh Công Q cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thấy: Bố đẻ bà Trịnh Thị T là cụ Trịnh Công T1 kết hôn với cụ Nguyễn Thị K có 02 con chung là bà Trịnh Thị T, sinh năm 1950 và bà Trịnh Thị T2, sinh năm 1953. Cụ T1 kết hôn với cụ Nguyễn Thị TH có 01 con chung là ông Trịnh Công Q, sinh năm 1950. Cụ T1 kết hôn với cụ Nguyễn Thị G có 01 con chung là ông Trịnh Công R, sinh năm 1960. Cụ T1, cụ K, cụ TH, cụ G và ông R đều đã chết (ông R chết ngày 17/5/2020, ông R không có đăng ký kết hôn, không có cha nuôi, mẹ nuôi, con nuôi, con đẻ).

Ngày 10/12/2018 bà Trịnh Thị T2 chết không để lại di chúc, bà T2 không có: chồng, con đẻ, con nuôi, cha nuôi, mẹ nuôi. Hàng thừa kế thứ hai của bà T2 gồm có: bà Trịnh Thị T và ông Trịnh Công Q.

Như vậy, người thừa kế theo pháp luật của bà Trịnh Thị T2 thuộc hàng thừa kế thứ hai là bà Trịnh Thị T và ông Trịnh Công Q là phù hợp với điểm b khoản 1 Điều 651 Bộ luật Dân sự.

[5] *Về yêu cầu chia di sản thừa kế của bà Trịnh Thị T:* Bà T là chị ruột của bà T2 nên bà T thuộc hàng thừa kế thứ hai, bà T có quyền yêu cầu chia di sản thừa kế của bà T2. Do đó cần chấp nhận yêu cầu của bà T chia di sản thừa kế của bà T2 theo quy định của pháp luật. Do ông Trịnh Công Q nhường lại toàn bộ kỷ phần ông được chia cho bà T, bà T cũng nhất trí. Việc cho nhận này hoàn toàn T2 nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội cần chấp nhận. Vì vậy, toàn bộ di sản thừa kế của bà Trịnh Thị T2 được chia cho bà Trịnh Thị T được sử dụng gồm: Quyền sử dụng đất thừa số 186, tờ bản đồ số 16 diện tích 157,8m². Địa chỉ: Thôn B, xã L, huyện P, tỉnh Thái Bình, có Giấy chứng nhận số: BY821329; CH 03968 mang tên bà Trịnh Thị T2 (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hiện bà T đang quản lý), có giá trị 157,8m² x 3.000.000 đồng/m² = 473.400.000 đồng; trên đất có 01 ngôi nhà 02 tầng, diện tích sử dụng là 100,4 m², giá trị còn lại 269.000.000 đồng và 01 sân lát gạch men diện tích khoảng 17.8m², giá trị còn lại là 2.000.000 đồng. Ngoài ra, còn 01 kệ gỗ thờ, giá trị còn lại 200.000 đồng; 01 bộ bàn ghế gỗ, giá trị còn lại 500.000 đồng, 01 giường gỗ có kích thước 1,6m x 2,0m, giá trị còn lại 1.500.000 đồng. Có tổng trị giá khối di sản là 746.600.000 đồng là phù hợp với quy định tại 609, 610, 611, 612, 613, 614, 616, 623, 649, 650, 651 và 660 của Bộ luật Dân sự.

[6] *Về án phí:* Bà Trịnh Thị T, ông Trịnh Công Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nhưng do bà T, ông Q là người cao tuổi và đều có đơn xin miễn án phí

vì vậy căn cứ quy định tại Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm cho bà T đối với kỷ phần bà T được hưởng và kỷ phần của ông Q nhường cho bà T.

[7] Về chi phí tố tụng: Tổng số tiền thẩm định, định giá là 3.100.000 đồng bà Trịnh Thị T T2 nguyện chịu cả, bà T đã nộp đủ.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật Tố tụng dân sự;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 5 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 228, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều: 609, 610, 611, 612, 613, 614, 616, 623, 649, 650, 651 và 660 của Bộ luật Dân sự ;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trịnh Thị T về việc chia di sản thừa kế của bà Trịnh Thị T2, sinh năm 1953 (đã chết năm 2018).

2. Chấp nhận ý kiến của ông Trịnh Công Q về việc T2 nguyện cho toàn bộ phần của ông Q được hưởng cho bà Trịnh Thị T.

3. Chia và giao cho bà Trịnh Thị T được sử dụng, S hữu toàn bộ di sản thừa kế của bà Trịnh Thị T2 gồm: Quyền sử dụng đất thửa số 186, tờ bản đồ số 16 diện tích 157,8m². Địa chỉ: Thôn B, xã L, huyện P, tỉnh Thái Bình, có Giấy chứng nhận số: BY821329; CH 03968 mang tên bà Trịnh Thị T2 (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hiện bà T đang quản lý), có giá trị 157,8m² x 3.000.000 đồng/m² = 473.400.000 đồng; trên đất có 01 ngôi nhà 02 tầng, diện tích sử dụng là 100,4 m², giá trị còn lại 269.000.000 đồng và 01 sân lát gạch men diện tích 17.8m², giá trị còn lại là 2.000.000 đồng. Ngoài ra, còn 01 kệ gỗ thờ, giá trị còn lại 200.000 đồng; 01 bộ bàn ghế gỗ, giá trị còn lại 500.000 đồng, 01 giường gỗ có kích thước 1,6m x 2,0m, giá trị còn lại 1.500.000 đồng. Có tổng trị giá khối di sản là 746.600.000 đồng (*Bảy trăm bốn mươi sáu triệu sáu trăm nghìn đồng*).

(Có sơ đồ thửa đất kèm theo)

4. Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà Trịnh Thị T đối với kỷ phần bà T được hưởng và kỷ phần của ông Trịnh Công Q nhường cho bà T.

5. Về quyền kháng cáo: Bà Trịnh Thị T có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Trịnh Văn Q có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết bản án hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận

- Đường sự;
- TAND tỉnh Thái Bình;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- VKSND huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Duyên
(Đã ký)